

Trà Vinh, ngày 10 tháng 4 năm 2015

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Kính gửi: Ban Giám đốc Sở

Văn bản của:..... M.OND. tỉnh

1. Tóm tắt nội dung văn bản:

..... Quyết định xin phê duyệt
..... đồ án QH PK khu du lịch
..... sinh thái cũ lao Long Ôki
..... xã Long Đức, T.P.T.V.....

Giải quyết của Lãnh đạo

M.OND. tỉnh
M.OND. tỉnh

2. Ý kiến đề xuất của Văn phòng:

- photo gửi: GP
- Chuyển P.GP Tỉnh; P.QLKT - DT

Thalonn

chưa nhận UB giấy

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 470 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu Khu du lịch sinh thái
cù lao Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

SỞ XÂY DỰNG TRÀ VINH
ĐẾN Số: 118
Ngày: 10/4/2015
Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu Khu du lịch sinh thái cù lao Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 55/TTr-SVHTTDL ngày 04 tháng 3 năm 2015 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xin phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Khu du lịch sinh thái cù lao Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (tỷ lệ 1/2000) (đính kèm Báo cáo số 05/BCTĐQH-SXD ngày 12/02/2015 của Sở Xây Dựng về việc thẩm định đồ án quy hoạch phân khu khu du lịch sinh thái cù lao Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu Khu du lịch sinh thái cù lao Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch thuộc thuộc ấp Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

a) Khu 1:

- Ranh giới quy hoạch:

- + Phía Đông Nam giáp sông Cổ Chiên;
- + Phía Đông Bắc giáp sông Cổ Chiên;
- + Phía Tây Bắc giáp đất dân;
- + Phía Tây Nam giáp sông Cổ Chiên.

- Quy mô: 39 ha; tỷ lệ lập quy hoạch: 1/2000.

b) Khu 2:

- Ranh giới quy hoạch:

- + Phía Tây Bắc giáp đất dân;
- + Phía Tây Nam giáp sông Cổ Chiên;
- + Phía Đông Bắc giáp đất dân;
- + Phía Đông Nam giáp sông Cổ Chiên.

- Quy mô: 11,28 ha; tỉ lệ lập quy hoạch: 1/2000.

2. Tính chất:

Là khu du lịch sinh thái vườn, xây dựng mới các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu du lịch vui chơi, giải trí.

3. Dự báo khách tham quan, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

a) Dự báo lượng khách tham quan:

- Khu 1:

- + Quy mô dân số: 200 người (trong khu du lịch miệt vườn).
- + Quy mô khách du lịch dự kiến: 400 khách/ngày.
- + Quy mô khách lưu trú: 200 khách/ngày.

- Khu 2:

- + Quy mô dân số: 70 người (trong khu du lịch miệt vườn).
- + Quy mô khách du lịch dự kiến: 180 khách/ngày.
- + Quy mô khách lưu trú: 160 khách/ngày.

b) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

- Khu tiếp đón, điều hành:

- + Diện tích đất : 30 - 45 m²/người;
- + Tầng cao tối đa : 01 tầng;
- + Mật độ xây dựng : 40%.

- Khu lưu trú

- + Diện tích đất : 80 - 100 m²/người;
- + Tầng cao tối đa : khu 1 : 01 tầng;
: khu 2 : 02 tầng;
- + Mật độ xây dựng : 50%.

- Khu cắm trại, vui chơi giải trí : 100 - 300 người.

- + Diện tích hoạt động : 100 - 300 m²/khách;
- + Lượng khách dự kiến : khu 1 : 400 khách/ngày;
: khu 2 : 180 khách/ngày;

- Khu du lịch miệt vườn (dân cư trong khu quy hoạch):

- + Đất xây dựng nhà ở : 70 - 80 m²/người.
- + Tầng cao xây dựng tối đa : 02 tầng.
- + Mật độ xây dựng tối đa : 30%.
- + Dân số : khu 1 : 200 người;
: khu 2 : 70 người;
- Chỉ tiêu cấp điện :
 - + Sinh hoạt : 400 - 1.000 kwh/người/năm.
 - + Công trình công cộng (CTCC) : 30 - 35 % phụ tải điện sinh hoạt.
 - + Chiếu sáng đường : 5 - 10 kw/km.
- Các chỉ tiêu cấp nước :
 - + Khách du lịch : 60 lít/người/ngày.
 - + Nhân viên lao động : 80% lượng nước cho khách du lịch.
 - + Công trình công cộng : 15% lượng nước cho khách du lịch và nhân viên lao động.
 - + Nước tưới cây, rửa đường : 01 lít/m².
 - + Nước rò rỉ, dự phòng : 15 % lượng nước cấp.
 - + Chữa cháy : 15 lít/giây x 3 giờ.
- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt : 90% lượng nước cấp.
- Rác thải : 01 kg/người/ngày.
- Cao độ xây dựng : $\geq + 2,10$ m.
- Chỉ tiêu điện thoại cố định cho khu quy hoạch: 15 máy/ha.

4. Cơ cấu sử dụng đất:

4.1. Khu 1:

- Khu tiếp đón, điều hành gồm các nhà làm việc, tiếp đón, nhà hàng, khu bán hàng lưu niệm và các dịch vụ khác, bố trí ngay lối vào chính, diện tích 0,7 ha, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng, mật độ xây dựng tối đa 30%, hệ số sử dụng đất tối đa 0,3 lần, gồm:

- + Nhà làm việc, điều hành: diện tích 0,10 ha;
- + Nhà hàng: diện tích 0,30 ha;
- + Nhà bán hàng lưu niệm: diện tích 0,30 ha.

- Khu vui chơi giải trí, thể thao, gồm:

+ Khu vui chơi giải trí ngoài trời, cắm trại: diện tích 3,77 ha, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng, mật độ xây dựng tối đa 10%, hệ số sử dụng đất tối đa 0,1 lần.

+ Khu câu cá thư giãn: diện tích 1,80 ha, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng.

+ Vườn cây trái đặc sản: diện tích 2,61 ha, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng.

- Khu lưu trú (nhà nghỉ): tổng diện tích 1,87 ha, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng, mật độ xây dựng tối đa 50%, hệ số sử dụng đất tối đa 0,5 lần, gồm:

+ Khu lưu trú 1: diện tích 1,10 ha;

+ Khu lưu trú 2: diện tích 0,77 ha.

- Khu du lịch sinh thái miệt vườn: diện tích 18,72 ha, là khu dân cư có vườn cây ăn trái, ao cá,... kết hợp du lịch, mỗi lô đất có diện tích đất ở khoảng 250 - 500 m²/hộ, tầng cao xây dựng tối đa 02 tầng, mật độ xây dựng tối đa 30%, hệ số sử dụng đất tối đa 0,6 lần.

4.2. Khu 2:

- Khu tiếp đón, điều hành gồm các nhà làm việc, tiếp đón, nhà hàng, khu bán hàng lưu niệm và các dịch vụ khác, bố trí lối vào chính, diện tích 0,35 ha, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng, mật độ xây dựng tối đa 30%, hệ số sử dụng đất tối đa 0,3 lần, gồm:

+ Nhà làm việc, điều hành: diện tích 0,10 ha;

+ Nhà hàng: diện tích 0,17 ha;

+ Nhà bán hàng lưu niệm: diện tích 0,08 ha.

- Khu vui chơi giải trí, thể thao, gồm:

+ Khu vui chơi giải trí ngoài trời, cắm trại: diện tích 1,50ha, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng, mật độ xây dựng tối đa 10%, hệ số sử dụng đất tối đa 0,1 lần.

+ Hồ cảnh: diện tích 0,48 ha, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng, mật độ xây dựng tối đa 5%, hệ số sử dụng đất tối đa 0,05 lần.

- Khu lưu trú (nhà nghỉ): tổng diện tích 1,24 ha, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng, mật độ xây dựng tối đa 50%, hệ số sử dụng đất tối đa 1 lần.

- Khu du lịch miệt vườn, vườn cây trái: diện tích 4,98 ha, là khu dân cư có vườn cây ăn trái, ao cá,... kết hợp du lịch, mỗi lô đất có diện tích đất ở khoảng 250 - 500 m²/hộ, tầng cao xây dựng tối đa 02 tầng, mật độ xây dựng tối đa 30%, hệ số sử dụng đất tối đa 0,6 lần.

Bảng cơ cấu sử dụng đất:

a) Khu 1:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Khu tiếp đón và điều hành:	0,7	1,79
	- Nhà làm việc đón tiếp, điều hành	0,1	
	- Nhà hàng	0,3	
	- Bán hàng lưu niệm	0,3	
2	Khu vui chơi giải trí, thể thao	8,18	20,97
	- Vui chơi giải trí ngoài trời, cắm trại	3,77	

	- Cầu cá thư giãn	1,80	
	- Vườn cây trái đặc sản	2,61	
3	Khu lưu trú (nhà nghỉ)	1,87	4,79
4	Khu du lịch miệt vườn	18,72	47,97
5	Đất giao thông	5,90	15,14
6	Cây xanh cảnh quan dọc sông	2,42	6,24
7	Kênh, rạch	1,21	3,10
Tổng cộng		39,00	100

b) Khu 2:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Khu tiếp đón và điều hành:	0,35	3,10
	- Nhà làm việc đón tiếp, điều hành	0,10	
	- Nhà hàng	0,17	
	- Bán hàng lưu niệm	0,08	
2	Khu vui chơi giải trí, thể thao	1,98	17,55
	- Vui chơi giải trí ngoài trời, cắm trại	1,50	
	- Hồ cảnh	0,48	
3	Khu lưu trú (nhà nghỉ)	1,24	10,99
4	Khu du lịch miệt vườn, vườn cây trái	4,98	44,15
5	Đất giao thông	1,84	16,31
6	Cây xanh cảnh quan dọc sông	0,89	7,90
Tổng cộng		11,28	100,00

Bảng chỉ tiêu sử dụng đất trong các khu chức năng:

a) Khu 1:

Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất					
Loại đất	Ký hiệu khu đất	Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)	MĐXD tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số SĐĐ tối đa (lần)
					Tối thiểu	Tối đa	
1. Khu tiếp đón và điều hành:	I	7.000	30 - 45				
- Nhà làm việc đón tiếp, điều hành		1.000		30	1	1	0,30
- Nhà hàng		3.000		30	1	1	0,30
- Bán hàng lưu niệm		3.000		30	1	1	0,30
2. Khu vui chơi giải trí, thể thao:	II	81.800					
- Vui chơi giải trí ngoài trời, cắm trại	II.1	37.700	100 - 300	10	1	1	0,10
- Cầu cá thư giãn	II.2	18.000			1	1	
- Vườn cây trái đặc sản	II.3	26.100			1	1	
3. Khu lưu trú (nhà nghỉ)	III	18.700	80 - 100				
- Khu lưu trú 1	III.1	11.000		50	1	1	0,50
- Khu lưu trú 2	III.2	7.700		50	1	1	0,50
4. Khu du lịch miệt vườn	IV	187.200		30	1	2	0,60
5. Đất giao thông		59.000					

6. Cây xanh cảnh quan dọc sông		24.200					
7. Kênh, rạch		12.100					
Tổng cộng		390.000					

b) Khu 2:

Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất					
Loại đất	Ký hiệu khu đất	Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /ng)	MĐXD tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số SĐĐ tối đa (lần)
					Tối thiểu	Tối đa	
1. Khu tiếp đón và điều hành:	I	3.500	30 - 45				
- Nhà làm việc đón tiếp, điều hành		1.000		30	1	1	0,30
- Nhà hàng		1.700		30	1	1	0,30
- Bán hàng lưu niệm		800		30	1	1	0,30
2. Khu vui chơi giải trí, thể thao:	II	19.800					
- Vui chơi giải trí ngoài trời, cắm trại	II.1	15.000	100 - 300	10	1	1	0,10
- Hồ cảnh	II.2	4.800		5	1	1	0,05
3. Khu lưu trú (nhà nghỉ)	III	12.400	80 - 100	50	1	2	1,00
4. Khu du lịch miệt vườn, vườn cây trái	IV	49.800		30	1	2	0,60
5. Đất giao thông		18.400	13,3 km/km ²				
6. Cây xanh cảnh quan dọc sông		8.900					
Tổng cộng		112.800					

5. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

5.1. Bố cục không gian kiến trúc toàn khu:

- Trục đường A, đường B là trục đường chính, liên kết với khu vực khác của khu quy hoạch.

- Khu 1 có trục đường số 8, đường số 5, đường số 7 là các trục đường đạo, trục dẫn đến các khu chức năng chính của khu du lịch.

- Khu 2 có trục đường số 1 (dự kiến), đường số 2, đường số 3 là các trục đường đạo, trục dẫn đến các khu chức năng chính của khu du lịch.

- Các khu vực kiểm soát: Khu tiếp đón và điều hành; khu lưu trú (nhà nghỉ); khu du lịch miệt vườn.

5.2. Các khu vực trọng tâm, tuyến điểm:

a) Các công trình công cộng: Bố trí dọc trục đường chính, như: nhà làm việc, tiếp đón, điều hành, nhà hàng, bán hàng lưu niệm,... được xây dựng với tính thẩm mỹ cao, tạo bộ mặt kiến trúc hiện đại cho khu vực trung tâm.

b) Cảnh quan đô thị dọc các trục đường chính: ✓

- Quy hoạch phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán văn hóa xã hội và đặc thù khu vực; vai trò của hệ thống giao thông là yếu tố cần cho cảnh quan khu vực, đáp ứng nhu cầu giao thông và hình thành cấu trúc của khu quy hoạch; đảm bảo tầm nhìn thoáng; trồng cây dọc vỉa hè, tổ chức màu sắc, chiều cao, dáng cây,... sẽ tạo sự hài hòa trong cảnh quan tổng thể.

- Cây xanh dọc các trục đường chính: Tùy theo lộ giới từng tuyến đường trồng những loại cây có kích thước, hình dáng phù hợp tạo cảnh quan đẹp và lấy bóng mát, không che khuất tầm nhìn.

- Các tuyến đường dọc sông Cổ Chiên phục vụ cho việc đi lại, dạo chơi ven sông, tận hưởng cảnh quan sông nước. Với khoảng lùi dọc sông, tổ chức các cụm tiểu cảnh dọc trục, có lan can kiên cố che chắn, bố trí ghế ngồi và đèn trang trí tạo không gian công cộng và điểm nhấn dọc sông,...

c) Các khu vực không gian mở:

- Không gian cây xanh tập trung và các vườn cây trái sẵn có nằm trong khu quy hoạch, các công trình công cộng tạo thành không gian xanh. Các khu công viên cây xanh được tổ chức dưới dạng công viên nghỉ ngơi, thư giãn kết hợp vui chơi giải trí để phục vụ du khách. Trong công viên, vườn cây kết hợp các mương, rạch tự nhiên tạo cảnh quan cùng với hệ thống đường dạo và một số công trình vui chơi giải trí trên bờ, dưới nước.

- Khu cây xanh kết hợp vườn hoa, mặt nước tận dụng khu vực có mương rạch để bố trí cây xanh. Vườn hoa tổ chức trồng cỏ, cây bụi, cây cảnh bằng các chậu hoa đa màu sắc được thay đổi thường xuyên. Cây hoa được cắt tỉa và sắp xếp linh hoạt làm phong phú cho không gian xanh.

- Cây xanh trong nhóm nhà ở được tổ chức thành những mảng cỏ xanh, chậu hoa cảnh tạo thành sân vườn đi dạo có cảm giác thư giãn.

- Các tiểu cảnh, tượng nghệ thuật được đặt trong công viên, khu công cộng có thể quan sát từ mọi phía.

- Các quảng trường nơi tập trung nhiều khách du lịch đến khu vực là trung tâm điều phối cho toàn khu vực, bố trí các đài phun nước, hòn non bộ để tạo điểm nhấn.

d) Không gian kiến trúc cảnh quan tại các nút giao thông:

Tại các nút giao của các tuyến đường tùy quy mô để tổ chức trồng cây, chậu hoa cảnh, đài phun nước, các biểu tượng kết hợp đèn trang trí, đèn chiếu sáng tạo điểm nhấn cho khu vực.

5.3. Các yêu cầu về tổ chức và bảo vệ cảnh quan:

Khu vực dọc sông rạch có khoảng cách ly an toàn bảo vệ bờ sông. Trong dãy cách ly có thể tổ chức thành đường giao thông với các mảng xanh, thảm cỏ, đường dạo nhằm tăng quy mô và diện tích khoảng xanh cho khu vực.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Giao thông:

- Về giao thông đối ngoại: Tuyến giao thông của toàn ấp dẫn đến khu vực, lộ giới 12 m, bao quanh cù lao và một phần đi vào khu vực quy hoạch. Lưu thông chính trên toàn cù lao là xe đạp, gắn máy và xe thô sơ

- Về giao thông nội bộ: Đường dành cho đi bộ, xe gắn máy, xe đạp và xe thô sơ có bề rộng đường 9m.

Bảng thống kê đường giao thông khu 1

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)		
					Lê trái	Mặt đường	Lê phải
1	Đường A	Ranh quy hoạch (Tây Bắc)	Đường B	12	4,25	3,5	4,25
2	Đường B	Ranh quy hoạch (Tây Bắc)	Đường A	12	4,25	3,5	4,25
3	Đường C	Đường B	Đường B	9	3,25	2,5	3,25
4	Đường số 1	Đường A	Đường B	9	3,25	2,5	3,25
5	Đường số 2	Đường A	Đường số 9	9	3,25	2,5	3,25
6	Đường số 3	Đường A	Đường số 9	9	3,25	2,5	3,25
7	Đường số 4	Đường A	Đường số 9	9	3,25	2,5	3,25
8	Đường số 5	Đường A	Đường B	9	2	5	2
9	Đường số 6	Đường A	Đường B	12	4,25	3,5	4,25
10	Đường số 7	Đường A	Đường B	9	2	5	2
11	Đường số 8	Đường số 6	Đường B	9	2	5	2
12	Đường số 9	Đường số 1	Đường số 4	6	3,5	2,5	-

Bảng thống kê đường giao thông khu 2

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)		
					Lê trái	Mặt đường	Lê phải
1	Đường A	Ranh quy hoạch (Đông Nam)	Ranh quy hoạch (Tây Bắc)	12	4,25	3,5	4,25
2	Đường B	Ranh quy hoạch (Đông Nam)	Đường A	12	4,25	3,5	4,25
3	Đường số 1	Đường B	Bên tàu	9	2	5	2
4	Đường số 2	Đường B	Hồ cảnh	9	2	5	2
5	Đường số 3	Đường Số 2	Đường Số 2	9	2	5	2

6.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:

a) San nền:

- Giải pháp quy hoạch: Tận dụng, gia cố bãi bồi làm đường đê bao tổ chức nền đất quy hoạch và tiêu thoát nước mưa.

- Cao độ xây dựng: $\geq +2,5m$ đối với mặt đường bao và $\geq +1,5m$ đối với nền xây dựng bên trong đê.

- Độ dốc nền thiết kế: $\geq 0,4\%$.

b) Quy hoạch thoát nước mặt:

- Tận dụng hệ thống mương hiện hữu trong vườn cây ăn trái để tiêu thoát nước. Nước mưa được giữ lại trong các mương và xả ra sông Cổ Chiên khi triều xuống (qua các cửa van tự đóng mở một chiều).

- Xây dựng mới một số tuyến mương thu gom dọc hai bên đường trục cảnh quan. Các vị trí qua đường, mương đất được thay bởi cống ngầm; hướng thoát về phía Đông Bắc và Tây Nam ra sông Cổ Chiên.

6.3. Cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện:

- + Khu dân cư : 400 - 1000 kwh/người/năm;
- + Công trình công cộng : 30 - 35% phụ tải điện sinh hoạt;
- + Chiếu sáng đường : 5 - 10 kw/km.

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ trạm biến áp 110/22KV Đa Lộc đến. Dài hạn trạm này được nâng cấp, nâng công suất lên cho phù hợp với phụ tải mới, thuộc mạng lưới điện chung của tỉnh Trà Vinh.

- Mạng điện phân phối:

+ Xây dựng mới các trạm biến áp 3 pha có công suất phù hợp để đáp ứng với nhu cầu phát triển của phụ tải mới. Các trạm biến áp đặt tại vị trí thuận lợi có bán kính phục vụ từ 300 đến 400m.

+ Cải tạo tuyến đường dây trung thế 22KV chạy dọc theo tuyến trục đường chính phù hợp với ranh giới quy hoạch. Dài hạn nâng cấp và thay thế tuyến cáp này thành tuyến cáp ngầm 22KV phù hợp với mạng lưới điện chung của toàn tỉnh.

+ Cải tạo tuyến đường dây hạ thế 0.4KV chạy dọc theo tuyến trục đường chính phù hợp với ranh giới quy hoạch mới. Dài hạn nâng cấp và thay thế tuyến cáp này thành tuyến cáp ngầm 0.4KV phù hợp với mạng lưới điện chung của toàn tỉnh.

+ Xây dựng mới tuyến cáp ngầm hạ thế 0,4KV, cung cấp điện cho các nhu cầu phụ tải khu nghỉ dưỡng, khu điều hành và các khu dịch vụ; cung cấp điện cho hệ thống đèn chiếu sáng giao thông, trang trí cho các khu cảnh quan trong khu sinh thái.

6.4. Thông tin liên lạc:

- Chỉ tiêu điện thoại cố định: 15 máy/ha.

- Xây dựng tủ cáp nối từ mạng thông tin Bưu điện xã Long Đức đến, thuộc mạng thông tin bưu điện chung của tỉnh Trà Vinh.

- Tuyến công cáp chính từ Bưu điện xã Long Đức đến tủ cáp dự kiến được xây dựng dọc đường trục chính trong khu quy hoạch và các nhánh rẽ đến các tủ cáp; dùng cáp quang (hoặc cáp đồng) luồn trong ống PVC114 đi trong hào cáp đặt ngầm.

- Đầu tư và trang bị thêm mạng truyền dữ liệu internet, ADSL, cáp truyền hình,...do các nhà cung cấp dịch vụ lắp đặt nhưng phải đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- Mạng cáp truyền dẫn và phân phối được lắp đặt kết hợp với hệ thống kỹ thuật cấp điện, lắp đặt chung trong hào kỹ thuật, tuy nên kỹ thuật để tiết kiệm chi phí thi công, đảm bảo mỹ quan đô thị. Công bề cáp và nắp bề cáp được chuẩn hóa về kích thước, hình dáng theo quy chuẩn của ngành.

6.5. Quy hoạch cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước:

- + Khách du lịch : 60 lít/người/ngày.
- + Nhân viên lao động : 80% lượng nước cho khách du lịch.
- + Công trình công cộng : 15% lượng nước cho khách du lịch và nhân viên lao động.
- + Nước tưới cây, rửa đường : 01 lít/m².
- + Nước rò rỉ, dự phòng : 15 % lượng nước cấp.
- + Chữa cháy : 15 lít/giây x 3giờ.

- Nguồn cấp nước: Xây mới trạm xử lý nước ngầm, lưu lượng cung cấp nước của trạm:

- + Khu 1: $Q_{\text{trạm}} = 210 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;
- + Khu 2: $Q_{\text{trạm}} = 85 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Lắp đặt các họng cứu hỏa Ø60 nối vào tuyến ống cấp nước chính Ø60. Khoảng cách giữa 2 họng nước cứu hỏa là 100m.

6.6. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

a) Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 90% lượng nước cấp.

- Giải pháp thoát nước thải: Sử dụng hệ thống thoát nước chung để thoát nước mưa và nước thải cho khu vực.

- Mạng lưới thoát nước: Hệ thống thoát nước chung trong khu vực là hệ thống mương hiện hữu trong vườn cây ăn trái và một số tuyến mương đất được đào mới dọc hai bên đường trục cảnh quan, hướng thoát về phía Đông Bắc và Tây Nam ra sông Cổ Chiên.

b) Chất thải rắn:

- Chất thải rắn được thu gom mỗi ngày và vận chuyển đến khu liên hợp xử lý chất thải rắn của tỉnh. Trong khu vực bố trí các thùng rác công cộng dọc theo các đường đi bộ, đi dạo với khoảng cách 25m/thùng và trong khuôn viên công trình công cộng.

- Trong mỗi khu quy hoạch bố trí 4 nhà vệ sinh công cộng và bố trí thêm nhà vệ sinh trong các công trình dịch vụ công cộng.

7. Những hạng mục ưu tiên đầu tư:

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Xây dựng khu nhà làm việc, tiếp đón điều hành, dịch vụ,...
- Xây dựng khu vui chơi, giải trí;
- Xây dựng khu lưu trú. ✎

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Căn cứ nội dung quy hoạch được phê duyệt, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

- Tổ chức thực hiện cấm mốc giới xây dựng ngoài thực địa khi quy hoạch được công bố.

- Lập kế hoạch cụ thể để thực hiện quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh và Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

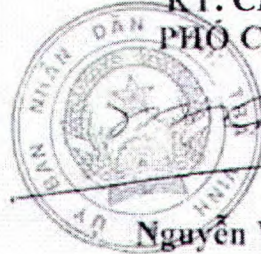
Nơi nhận:

- CT, các PCT, UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- LĐVP, UBND tỉnh;
- Phòng NC: KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTKT. 126/20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phong